

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

LƯU THỊ TÂN

HÀNH VI SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG
CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

LUẬN VĂN THẠC SĨ TÂM LÝ HỌC

Hà Nội – 2014

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

LƯU THỊ TÂN

HÀNH VI SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG
CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Chuyên ngành Tâm lý học

Mã số: 60 31 80

LUẬN VĂN THẠC SĨ TÂM LÝ HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS. TS. Lê Thị Minh Loan

Hà Nội - 2014

LỜI CAM ĐOAN

Sau một thời gian học tập và nghiên cứu, tôi đã hoàn thành luận văn thạc sĩ với đề tài: ***“Hành vi sử dụng điện thoại di động của học sinh Trung học phổ thông tại thành phố Hà Nội”***.

Tôi xin cam đoan đề tài nghiên cứu là kết quả quá trình làm việc của tôi. Những nội dung tham khảo được trích dẫn nguồn gốc tài liệu. Kết quả nghiên cứu thực tiễn là do tôi trực tiếp tiến hành khảo sát và chưa được công bố ở bất cứ công trình khoa học nào.

Tôi xin chịu trách nhiệm về mọi nội dung trong đề tài.

Tác giả

Lưu Thị Tân

LỜI CẢM ƠN

Luận văn thạc sĩ với đề tài *“Hành vi sử dụng điện thoại di động của học sinh Trung học phổ thông tại thành phố Hà Nội”* - đã được hoàn thành với nỗ lực của bản thân tác giả và sự quan tâm, giúp đỡ từ nhiều phía.

Em xin cảm ơn cô giáo hướng dẫn, PGS. TS. Lê Thị Minh Loan đã nhiệt tình chỉ dẫn, giúp đỡ và động viên em trong quá trình thực hiện luận văn.

Xin cảm ơn các bạn học sinh của các trường đã tham gia trả lời phỏng vấn, chia sẻ nhiều thông tin giúp tôi hoàn thành nghiên cứu và luôn cố vũ tinh thần cho tôi.

Luận văn khó tránh khỏi thiếu sót, tác giả rất mong nhận được những ý kiến phản hồi và góp ý.

Tác giả

Lưu Thị Tân

BẢNG CHỮ CÁI VIẾT TẮT

1. Học sinh:	HS
2. Học sinh Trung học phổ thông	HS THPT
3. Điện thoại di động:	ĐTDD
4. Sử dụng điện thoại di động:	SD ĐTDD
5. Điểm trung bình:	ĐTB
6. Số thứ tự:	STT
7. Bộ giáo dục:	BGD
8. Hành vi:	HV
9. Hiếm khi:	HK
10. Thỉnh thoảng:	TT
11. Thường xuyên:	TX
12. Thông tin:	TT

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục đích nghiên cứu.....	2
3. Đối tượng nghiên cứu.....	2
4. Khách thể nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu	2
5. Nhiệm vụ nghiên cứu.	2
6. Giả thuyết nghiên cứu	3
7. Phương pháp nghiên cứu.....	3
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HÀNH VI VÀ HÀNH VI SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG.	5
1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề	5
1.1. Một số quan điểm của các nhà tâm lý học ở nước ngoài	5
1.1.1. Theo quan điểm của các nhà Tâm lý học hành vi	5
1.1.2. Quan điểm của các nhà Phân tâm học về hành vi . Error! Bookmark not defined.	
1.1.3. Quan điểm của các nhà Tâm lý học nhân văn về hành vi..... Error! Bookmark not defined.	
1.1.4. Quan điểm của các nhà Tâm lý học hoạt động về hành vi	Error! Bookmark not defined.
1.2. Một số quan điểm của các nhà tâm lý học trong nước ERROR!	
BOOKMARK NOT DEFINED.	
1.2.1. Một số nghiên cứu về các yếu tố tác động đến hành vi của con người..... Error! Bookmark not defined.	

1.2.2. Một số nghiên cứu liên quan về hành vi sử dụng điện thoại di động	Error! Bookmark not defined.
2. Một số khái niệm chính của đề tài	Error! Bookmark not defined.
2.1. Khái niệm hành vi.....	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
2.2. Khái niệm điện thoại di động.....	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
2.2.1. Khái niệm	Error! Bookmark not defined.
2.2.2. Một số đặc điểm nổi bật của điện thoại di động	Error! Bookmark not defined.
2.3. Khái niệm học sinh trung học phổ thông	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
2.3.1. Khái niệm	Error! Bookmark not defined.
2.3.2. Một số đặc điểm nổi bật của học sinh trung học phổ thông	Error! Bookmark not defined.
2.4. Khái niệm hành vi sử dụng điện thoại di động của học sinh trung học phổ thông	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
2.4.1. Khái niệm	Error! Bookmark not defined.
2.4.2. Các biểu hiện hành vi sử dụng điện thoại di động của học sinh Trung học phổ thông.....	.44
2.4.3. Một số yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng điện thoại di động của học sinh Trung học phổ thông.....	Error! Bookmark not defined.
Chương 2: TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.	Error! Bookmark not defined.
2.1. Tổ chức nghiên cứu.....	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
2.1.1. Vài nét về khách thể nghiên cứu.....	Error! Bookmark not defined.
2.1.2. Các giai đoạn tổ chức nghiên cứu.....	Error! Bookmark not defined.
2.2. Phương pháp nghiên cứu	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
2.2.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu	Error! Bookmark not defined.
2.1.2. Phương pháp phỏng vấn sâu.....	Error! Bookmark not defined.

2.1.3. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi**Error! Bookmark not defined.**

2.1.4. Phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học **Error! Bookmark not defined.**

Chương 3: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG HÀNH VI SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI.....Error! Bookmark not defined.****

3.1. Thực trạng nhận thức của học sinh về hành vi sử dụng điện thoại di động của học sinh Trung học phổ thông tại thành phố Hà Nội **ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.**

3.2. Thực trạng về các loại hành vi sử dụng điện thoại di động của học sinhERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.****

3.2.1. Thời gian sử dụng điện thoại di động của học sinh **Error! Bookmark not defined.**

3.2.2. Hành vi nghe gọi của học sinh Trung học phổ thông tại thành phố Hà Nội **Error! Bookmark not defined.**

3.2.3. Hành vi chơi game trên điện thoại di động của học sinh Trung học phổ thông tại thành phố Hà Nội..... **Error! Bookmark not defined.**

3.2.4. Hành vi nghe nhạc trên điện thoại di động của học sinh Trung học phổ thông tại thành phố Hà Nội..... **Error! Bookmark not defined.**

3.2.5. Hành vi quay phim trên điện thoại di động của học sinh Trung học phổ thông tại thành phố Hà Nội..... **Error! Bookmark not defined.**

3.2.6. Hành vi sử dụng điện thoại di động trong giờ học **Error! Bookmark not defined.**

3.3. Tác động của hành vi sử dụng điện thoại di động đến tâm lý và kết quả học tập của học sinh Trung học phổ thông tại thành phố Hà Nội **ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.**

3.3.1. Tác động đến tâm lý học sinh..... **Error! Bookmark not defined.**

3.3.2. Mối quan hệ qua lại giữa hành vi sử dụng điện thoại di động và kết quả học tập của học sinh..... **Error! Bookmark not defined.**

3.4 Thực trạng về các yếu tố tác động đến hành vi sử dụng điện thoại di động của học sinh Trung học phổ thông tại thành phố Hà NộiERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.

3.4.1. Yếu tố khách quanError! Bookmark not defined.

3.3.2. Yếu tố chủ quanError! Bookmark not defined.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊError! Bookmark not defined.

PHỤ LỤC

CÁC BẢNG SỐ LIỆU

Bảng 2.1: Khách thể nghiên cứu**Error! Bookmark not defined.**

Bảng 3.1: Mức độ nhận thức về độ phù hợp của hành vi SD ĐTDD của HS .. **Error! Bookmark not defined.**

Bảng 3.2: Đánh giá chung về hành vi SD ĐTDD của học sinh.....**Error! Bookmark not defined.**

Bảng 3.3 : So sánh hành vi SD ĐTDD của học sinh tại hai trường..... **Error! Bookmark not defined.**

Bảng 3.4: So sánh sự khác nhau giữa nam và nữ với đối tượng liên lạc **Error! Bookmark not defined.**

Bảng 3.5: Tỷ lệ % nội dung hành vi liên lạc bằng điện thoại .. **Error! Bookmark not defined.**

Bảng 3.6: So sánh nội dung chơi game với chỉ số về giới tính khách thể **Error! Bookmark not defined.**

Bảng 3.7: Thực trạng nội dung hành vi SD ĐTDD của học sinh ..**Error! Bookmark not defined.**

Bảng 3.8: Mục đích hành vi quay phim, chụp ảnh trên ĐTDD**Error! Bookmark not defined.**

Bảng 3.9: Thực trạng hành vi SD ĐTDD trong giờ học **Error! Bookmark not defined.**

Bảng 3.10: So sánh hành vi trong giờ học của HS hai trường **Error! Bookmark not defined.**

Bảng 3.11: Mức độ ảnh hưởng từ hành vi SD ĐTDD của những người xung quanh
.....**Error! Bookmark not defined.**

Bảng 3.12: Biểu hiện sự quan tâm của gia đình đến hành vi SD ĐTDD của HS
.....**Error! Bookmark not defined.**

Bảng 3.13: Lý do học sinh SD ĐTDD**Error! Bookmark not defined.**

CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 3.1 Nhận thức về thời gian sử dụng ĐTDD ảnh hưởng đến kết quả học tập	Error! Bookmark not defined.
Biểu đồ 3.2: Nhận thức về nội dung quy định của BGD về việc SD ĐTDD trong giờ học	Error! Bookmark not defined.
Biểu đồ 3.3: Tỷ lệ % thời gian trung bình mỗi ngày HS SD ĐTDD	Error! Bookmark not defined.
Biểu đồ 3.4: sự phân bố học sinh theo phương án lựa chọn khoảng thời gian sử dụng ĐTDD.....	Error! Bookmark not defined.
Biểu đồ 3.5: Đối tượng liên lạc bằng ĐTDD của học sinh PTHH.	Error! Bookmark not defined.
Biểu đồ 3.6: Nội dung hành vi chơi game	70
Biểu đồ 3.7: Biểu đồ hành vi giải trí – nghe nhạc.....	Error! Bookmark not defined.
Biểu đồ 3.8: Cảm xúc của học sinh khi SD ĐTDD	80
Biểu đồ 3.9: Cảm xúc của học sinh khi không sử dụng ĐTDD.....	81
Biểu đồ 3.9: Tính năng điện thoại di động.....	84
Biểu đồ 3.10: Cảm xúc của học sinh khi bị bố mẹ kiểm soát hành vi SD ĐTDD	Error! Bookmark not defined.
Biểu đồ 3.11: Các biểu hiện quản lý của nhà trường với hành vi SD ĐTDD...	Error! Bookmark not defined.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Điện thoại di động (ĐTDD) là sản phẩm điện tử tiên bộ của khoa học kỹ thuật công nghiệp hiện đại. Những năm gần đây, điện ĐTDD được sản xuất hàng loạt với nhiều loại hình mẫu mã và những tính năng phong phú khác nhau. Nếu như trước đây chỉ có một số loại ĐTDD đơn giản phục vụ cho nhu cầu giao tiếp, nghe – gọi, truyền tải thông tin từ nơi này đến nơi khác thì cho tới ngày nay, ĐTDD được sản xuất hiện đại hơn với nhiều tính năng phóng phú, phục vụ cho nhiều nhu cầu của đời sống con người. ĐTDD không chỉ có những tính năng đơn giản là nghe, gọi mà thay vào đó, ĐTDD còn có tính năng như một chiếc ti vi, một chiếc máy tính với nhiều màu sắc, kiểu dáng phong phú đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, học tập, ... của con người.

Chính vì ĐTDD có nhiều tính năng phong phú cho nên việc sử dụng ĐTDD đúng cách cũng trở nên phức tạp. Đặc biệt với những đối tượng chưa được chuẩn bị tâm thế, kiến thức về sản phẩm ĐTDD – sản phẩm công nghệ hiện đại, dễ có những hành vi sử dụng ĐTDD chưa khoa học dẫn tới việc ảnh hưởng đến sức khỏe, công việc và đời sống tâm lý. Trong những đối tượng đó đó, lứa tuổi học sinh THPT cũng là một đối tượng cần quan tâm về các hành vi sử dụng ĐTDD

Có nhiều lý do được đưa ra để giải thích cho việc phụ huynh học sinh mua điện thoại di động cho con. Mục đích của gia đình khi cung cấp ĐTDD cho con là tìm cách quản lý mọi hoạt động, quản lý thời gian, giúp con học tập và có đời sống tâm lý tốt hơn. Tuy nhiên, khi lựa chọn ĐTDD, một số cha mẹ mua cho học sinh phổ thông trung học (HS PTTH) những chiếc ĐTDD thông minh, đắt tiền với nhiều tính năng hiện đại khá sớm. Đây là một trong số những nguyên nhân dẫn tới một số hành vi sử dụng ĐTDD không phù hợp với hoạt động của đạo của học sinh THPT. Kết quả là quá tình học tập, sinh hoạt của học sinh bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Trước sự phản ánh gần đây của nhiều phụ huynh học sinh và các nhà giáo về ảnh hưởng của ĐTDD đến kết quả học tập, sức khỏe của HS, tác giả nhận thấy cần tổ chức nghiên cứu, tìm hiểu vấn đề hành vi sử dụng ĐTDD của học sinh nhằm tìm

hiểu cách thức sử dụng, mục đích sử dụng, động cơ sử dụng ĐTDĐ và một số quan niệm cũng như đạo đức lối sống của HS qua hành vi sử dụng ĐTDĐ. Từ đó đưa ra được một số định hướng cho nhà quản lý, các bậc phụ huynh trong việc quản lý các hành vi sử dụng ĐTDĐ của học sinh. Bên cạnh đó, chúng tôi hi vọng có thể đưa ra được một số đề xuất với nhà cung cấp ĐTDĐ cho học sinh về việc tư vấn, hướng dẫn cách sử dụng ĐTDĐ hợp lý cho lứa tuổi HS THPT.

Trên cơ sở đó, chúng tôi tổ chức nghiên cứu thực trạng về hành vi sử dụng ĐTDĐ của 150 học sinh trường Phổ thông trung học Alfred Nolbel và 150 học sinh trường Đào Duy Từ.

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về hành vi sử dụng ĐTDĐ của HS. Từ đó đưa ra được những đánh giá về hành vi sử dụng ĐTDĐ của HS cũng như một số kiến nghị với phụ huynh, nhà trường trong quá trình định hướng hành vi sử dụng điện thoại di động của học sinh phù hợp.

3. Đối tượng nghiên cứu

Các biểu hiện hành vi và các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến hành vi sử dụng ĐTDĐ của học sinh trường THPT.

4. Khách thể nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

- Khách thể: Khách thể là 150 học sinh trường THPT Alfred Nolbel và 150 học sinh trường THPT Đào Duy Từ.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Nghiên cứu 150 học sinh trường THPT Alfred Nolbel (Tầng 3, Tòa nhà Lô T1, Khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội) và 150 học sinh THPT Đào Duy Từ (182, Lương Thế Vinh, Thanh Xuân, Hà Nội).

+ Hành vi sử dụng ĐTDĐ của học sinh THPT tại thành phố Hà Nội

5. Nhiệm vụ nghiên cứu.

5.1 Nghiên cứu lý luận: Làm sáng tỏ một số khái niệm liên quan đến đề tài, xây dựng cơ sở lý luận về hành vi và hành vi sử dụng điện thoại di động của HS THPT.

5.2 Điều tra thực trạng về hành vi sử dụng điện thoại di động của học sinh trường THPT Alfred Nolbel và trường THPT Đào Duy Từ.

5.3 Phân tích một số tác động chủ yếu và những nguyên nhân dẫn tới những SD ĐTDD. Đề xuất một số kiến nghị với học sinh, gia đình và nhà trường nhằm định hướng hành vi SD ĐTDD phù hợp với lứa tuổi học sinh THPT.

6. Giả thiết nghiên cứu

- Học sinh chủ yếu sử dụng ĐTDD vào mục đích nghe - gọi, nhắn tin. Bên cạnh đó các hành vi như quay phim, chụp ảnh, nghe nhạc, chơi game, cập nhật internet cũng khá phổ biến. Vẫn còn một bộ phận học sinh sử dụng ĐTDD trong giờ học.

- Hành vi SD ĐTDD của học sinh phụ thuộc vào nhiều yếu tố chủ quan và các yếu tố khách quan khác nhau. Trong đó các yếu tố chủ quan cơ bản là mục đích, thái độ, cảm xúc. Yếu tố khách quan là sự đa dạng các tính năng trên ĐTDD, hành vi mẫu của những người xung quanh, sự quản lý của gia đình, nhà trường.

7. Phương pháp nghiên cứu

7.1. Phương pháp phân tích tài liệu

Tổng hợp các công trình nghiên cứu có liên quan nhằm làm sáng rõ khung lý thuyết, các khái niệm cơ bản và xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài.

7.2. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

Nghiên cứu khảo sát 300 học sinh để điều tra thực trạng việc sử dụng ĐTDD của học sinh trường THPT Alfred Nolbel và trường THPT Đào Duy Từ tại quận Thanh Xuân – Hà Nội.

7.3. Phương pháp phỏng vấn sâu

Phỏng vấn sâu 6 học sinh với những câu hỏi liên quan để thấy được nguyên nhân và thực trạng vấn đề nghiên cứu.

7.4. Phương pháp thống kê toán học

Sử dụng phần SPSS để xử lý số liệu.

7.5. Phương pháp chuyên gia

Tham khảo ý kiến một số chuyên gia đã từng có những nghiên cứu về hành vi của HS THPT, đang giảng dạy THPT. Từ đó củng cố cơ sở lý luận và bổ sung thêm những kinh nghiệm làm nghiên cứu như: đưa ra bảng hỏi, xây dựng luận văn.

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HÀNH VI VÀ HÀNH VI SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG.

1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

1.1. Một số quan điểm của các nhà tâm lý học ở nước ngoài

1.1.1. Theo quan điểm của các nhà Tâm lý học hành vi

*** Quan điểm của nhà tâm lý học J.Watson (1878-1958)**

J.Watson cho rằng, hành vi là phản ứng (là bất cứ cái gì mà sinh ra và nó bao gồm rất nhiều thứ) để trả lời kích thích (là một tình huống tổng quát của môi trường hay một điều kiện ở bên trong nào đó của sinh vật). Kích thích (S- Stimulate) luôn là nguyên nhân, phản ứng (R – Reaction) luôn là kết quả theo nguyên tắc của thuyết quyết định luận máy móc. Nhờ những cử động, phản ứng đó mà động vật và con người với tư cách là “một cơ quan biết phản ứng” hay “một hệ thống vật lý” sẽ thích nghi với môi trường nhằm đảm bảo sự sống còn. Cơ chế hình thành các hành vi là sự mò mẫm của chủ thể theo nguyên tắc “thử và sai”, qua nhiều lần, cho tới khi xác lập được phản ứng phù hợp, luyện tập và củng cố.

Bằng các kết quả nghiên cứu hành vi của động vật trong các mê cung, trong các lồng có vấn đề, ông đi đến kết luận rằng việc giải quyết vấn đề đạt được bằng phương pháp “thử lỗi” làm nguyên tắc điều khiển mọi hành vi. J.Watson muốn loại trừ tâm lý học duy tâm với phương pháp nội quan bằng cách nghiên cứu hành vi theo phương pháp truyền thống vẫn sử dụng trong tâm lý học hoạt động.

Tâm lý học hành vi của J.Watson có những điểm đáng chú ý như sau:

- Tâm lý học hành vi không mô tả, không giảng giải các trạng thái ý thức mà quan tâm tới hành vi tồn tại của con con người. Các sự kiện quan sát thấy đều được lý giải theo nguyên tắc: khi có một kích thích nào đó tác động vào cơ thể tạo ra một phản ứng nhất định. Do đó, mọi hành vi do cơ thể tạo ra đều được biểu đạt theo công thức: Kích thích – phản ứng. Hành vi chỉ còn là tác động bên ngoài, hoàn toàn không liên quan gì tới ý thức được coi là cái bên trong. J.Watson đặt ra cho thuyết hành vi mục đích điều khiển, kiểm soát được hành vi. Toàn bộ việc điều khiển dựa vào chỗ nếu có một trong hai yếu tố thì biết được tương lai.

Thuyết hành vi của J.Watson có một số điểm đáng chú ý khi đề cập tới hành vi con người như sau: Hành vi của con người tuy có một số khác biệt so với con vật nhưng vẫn chỉ là một tổ hợp phản ứng của cơ thể để trả lời các kích thích tác động vào cơ thể. J.Watson không thừa nhận tâm lí, ý thức tham gia vào việc điều khiển hành vi con người. Theo ông, để nghiên cứu hay điều khiển hành vi nói chung và hành vi người nói riêng thì chỉ cần dựa vào yếu tố đầu tiên trong công thức $S \rightarrow R$. Quan niệm của J.Watson về hành vi với công thức $S \rightarrow R$ khó có thể lý giải được trường hợp khi cùng một kích thích (S) nhưng lại có nhiều các phản ứng (R) khác nhau, các trường hợp khi có sự liên quan tới những yếu tố thuộc về chủ thể phản ứng.

Nhận xét về quan niệm của J.Watson, các tác giả trong giáo trình Tâm lí học đại cương khẳng định: *“Coi hành vi là do ngoại cảnh quyết định, hành vi có thể quan sát được, nghiên cứu được một cách khách quan, từ đó có thể điều khiển hành vi theo phương pháp “thử - sai”. Nhưng chủ nghĩa hành vi đã quan niệm một cách cơ học, máy móc về hành vi, đánh đồng hành vi của con người với hành vi của con vật, hành vi chỉ còn là những phản ứng máy móc nhằm đáp lại những kích thích, giúp cho cơ thể thích nghi với môi trường xung quanh. Chủ nghĩa hành vi đồng nhất phản ứng với nội dung tâm lý bên trong làm mất tính chủ thể, tính xã hội của tâm lý con người, đồng nhất tâm lý con người với tâm lý động vật, con người chỉ hành vi phản ứng trong thế giới một cách cơ học, máy móc. Đây là quan điểm tự nhiên chủ nghĩa, phi lịch sử và thực dụng”*[29, tr 15].

B.R Hergenhahn nhận xét thuyết hành vi của J.Watson rằng: *“Trường phái tâm lý học do Watson sáng lập, nhấn mạnh rằng nội dung của tâm lý học là hành vi và mục tiêu của tâm lý học là việc tiên đoán và kiểm soát hành vi”* [34, tr 483], *“Chắc hẳn Watson sẽ rất vui khi thấy ông đã có ảnh hưởng to lớn thế nào đối với tâm lý học ngày nay, nhưng ông chắc cũng thấy thất vọng khi ông đã không thành công trong cố gắng gạt bỏ khái niệm ý thức ra khỏi tâm lý học. Hơn thế nữa, càng ngày càng có nhiều nhà tâm lý nghiên cứu về chính các quy trình nhận thức mà Watson gạt bỏ, coi thường hay phủ nhận”*[34, tr 477].

*** Quan điểm của nhà tâm lý học E.C Tolman (1886 - 1959)**

E.C Tolman cho rằng thuyết hành vi có thể gọi tên gọi như sau: Thuyết hành vi tổng thể, thuyết hành vi có ý định, thuyết hành vi tạo tác [10, tr 157].

E.C Tolman tập trung vào nghiên cứu tâm lý học chủ quan xây dựng bởi phương pháp luận duy tâm; ông phủ nhận trải nghiệm trực tiếp như là trạng thái “tiền phân tích”, coi trải nghiệm này chỉ là đối tượng của nghệ thuật hay siêu hình học. Còn tâm lý học thì chỉ nghiên cứu hành vi trực tiếp, công khai, tức là có thể quan sát từ ngoài cơ thể động vật và người. Ông nhấn mạnh tính chất tổng thể của hành vi. Đó là hành vi tổng hòa, tổng cộng hay một khối. Tóm lại là hành vi của cơ thể nói chung, chứ không phải là từng câu trả lời riêng biệt của các cơ. E.C Tolman gọi hành vi đó là “cử động hành vi”. Trong các cử động hành vi có các sự kiện vật lý và sinh lý học cũng như những thuộc tính cá nhân của bản thân. Cử động hành vi không phải là phản ứng sinh lý học vì vậy phải nghiên cứu hành vi tổng thể bằng con đường riêng. Đây chính là công lao của E.C Tolman với trào lưu hành vi với quan niệm tổng thể về hành vi.

E.C Tolman có những học thuyết về “các biến số trung gian” với tư cách là khâu trung gian “can thiệp vào giữa kích thích tác động lên cơ thể và hành vi trả lời”. Cử động hành vi có đặc điểm là nhằm đạt tới khách thể chuyên biệt, có lợi thế cho cơ thể. Các khách thể này là mục đích cho cơ thể. Khách thể này được gọi là “khách thể - mục đích”. Trường hợp ngược lại, khi không có lợi cho cơ thể thì cơ thể tránh khách thể. Ví dụ về trường hợp có lợi: Chuột chạy theo đường ngoằn ngoèo tới thức ăn, trường hợp ngược lại, chuột sẽ tìm lối thoát. Đây là con đường vượn tới đích bằng phương pháp thử - sai. Trong quá trình này, có một khả năng, đó gọi là khả năng hiểu biết, khả năng tiếp thu, nói lên xu thế xác định các cử động nào cho phép đạt được kết quả cần thiết mà mất ít sức lao động nhất trong thời gian ngắn nhất. E.C Tolman gọi khả năng tiếp thu là khả năng định tính chủ ý. Ông cho rằng, có thể có tính chủ ý mà không có khả năng tiếp thu đi theo. Là một mặt khách quan của hành vi, tính chủ ý là một hiện tượng trong hành vi và là hiện tượng cơ bản hơn khả năng tiếp thu: khả năng tiếp thu hình như đi từ tính chủ ý ra.

Tính kiên trì, tiếp thu, chủ ý dường như là vốn tự có trong bản thân cơ thể. E.C Tolman cho rằng với tư cách là một mặt của hành vi, tính chủ ý được vận dụng vào việc mô tả hành vi. Tính chủ ý ấy trong mối liên hệ với khách thể - mục đích là cái đồng nhất với chức năng của khách thể. Trong đó khách thể - mục đích có ý nghĩa quyết định: Khách thể mất đi thì hành vi cũng mất đi. Tóm lại, theo E.C Tolman bao giờ cũng tồn tại ý định và có thể mô tả được ý định đó nếu như có khách thể - mục đích.

Như vậy, E.C Tolman phủ nhận tiêu chuẩn chủ quan của ý định, tính chất chủ quan đó thể hiện ở chỗ thấy trước được cử động cuối cùng. Theo E.C Tolman, cái tích cực chỉ là tính kiên trì đạt tới mục đích và tính kiên trì này được xét trong mối quan hệ với khách thể - mục đích. Từ quan điểm này có thể thấy E.C Tolman phê phán Oatson vì Oatson loại trừ vấn đề hành vi có ý thức. Tính mục đích của hành vi thể hiện ở chỗ hành vi bao giờ cũng nhằm tới một cái gì đó và xuất hiện từ một cái gì đó, tức là mục đích được hiểu như là một cái gì đó khách quan.

Từ điều này cho thấy E.C Tolman có quan điểm không gần với tâm lý học hành vi truyền thống mà gần với “luật nhân quả” và gần với nguyên tắc củng cố của Pavlov. Chỉ có chút khác biệt đó chính là hiệu quả mà cơ thể nhận được và cái điều kiện hóa do hành động của cơ thể hoàn thành để lại đều không có ở trong lĩnh vực kích thích bên ngoài và cũng không có ở dưới dạng thần kinh tạm thời mà được chuyển vào trong, tức là chuyển thành các quá trình tâm lý. Đến lượt nó, các quá trình tâm lý trở thành cái quy định hành vi và đưa hành vi thành hành vi có ý định.

Điều quan trọng là khái niệm có ý định của E.C Tolman mang tính chất khách quan, nó còn quan trọng bởi ông lấy nó từ tâm lý học chủ quan và đưa vào luận điểm do ông xây dựng lên trên cơ sở thuyết hành vi.

E.C Tolman đưa ra khái niệm để giải thích cho quan điểm của mình, tuy nhiên những khái niệm của ông vẫn chịu sự ảnh hưởng của quan điểm tâm lý học hành vi cổ điển. Tuy nhiên, công lao của E.C Tolman đối với trao lưu hành vi chủ nghĩa đó là nhờ có phương pháp tiếp cận tổng thể đối với hành vi mà trong một phạm vi nhất định ông đã có thể đưa ý thức nói riêng và các biến số trung gian nói

chung vào lĩnh vực nghiên cứu tâm lý học. Các biến số được đưa ra là nhờ có sự phân tích tạo tác và phù hợp với việc giải thích hành vi động vật. Còn đối với ý thức người, E.C Tolman phụ thuộc vào “quan điểm cơ thể nhân chủng học về ý thức; quan điểm này buộc phải đi tìm lời giải thích ý thức ở các quá trình chậm chạp trong đầu cá thể dưới tác động của các kích thích”. Dừng lại trên lập trường quyết định luận vật lý, sinh vật hóa và nhân chủng, không thể đạt được vấn đề ý thức một cách khoa học, cũng như không thể giải quyết được vấn đề này. Tóm lại, thuyết hành vi mới của E.C Tolman không vươn tới được vấn đề sống còn của khoa học tâm lý [10, tr 164].

Nhận xét về chủ nghĩa hành vi mới, tác giả Nguyễn Ngọc Phú đánh giá:

E.C Tolman và các cộng sự của ông đã đưa vào giữa S và R biến số trung gian 0. Yếu tố trung gian liên quan tới: Điều kiện thay đổi môi trường. Khi kích thích S tác động đến cơ thể thì điều kiện môi trường diễn ra như thế nào. Ở đây có liên quan đến tư tưởng quyết định luận vật lý. Tại thời điểm kích thích S phát huy tác dụng thì trạng thái, nhu cầu cơ thể diễn ra như thế nào? Khía cạnh này liên quan đến quyết định luận sinh vật. Đương nhiên việc bổ sung này của E.C Tolman và những của ông đã không thay đổi và khắc phục được thiếu sót căn bản của tâm lý học hành vi là loại bỏ ý thức, lấy hành vi với tư cách là tổng quan các sản phẩm ứng của cơ thể trước các kích thích bên ngoài là đối tượng nghiên cứu của tâm lý học. [25, tr 175].

*** Quan điểm của nhà tâm lý học Clark Leonard Hull (1884 - 1952)**

Luận điểm của Clark Leonard Hull muốn bổ sung vào công thức hành vi cổ điển bởi thuyết hành vi cổ điển xác lập bằng cách dùng phương pháp thao tác để giải thích hành vi; mặt khác, dùng nguyên lý cung phản xạ với tư cách là nguyên lý làm việc của não bộ làm nguyên lý giải thích kinh nghiệm tự tạo trong học tập và kinh nghiệm này nằm trong cơ chế bên trong của hành vi. Kết quả, ông đi đến khái niệm kỹ xảo với tư cách là một kiến tạo lý thuyết chủ yếu và nắm vai trò trung gian tác động và phản ứng. Lập trường xuất phát điểm của Clark Leonard Hull dùng để giải quyết các vấn đề cơ bản của tâm lý học như vấn đề con người và vấn đề hành vi

người vẫn là lập trường hành vi chủ nghĩa, lập trường tự nhiên chủ nghĩa và thực dụng chủ nghĩa. Vì thế Clark Leonard Hull cũng không khắc phục được những hạn chế mà các vị đại diện của thuyết hành vi cổ điển gặp phải.

Lý thuyết của ông bao gồm các ý chính như sau:

+ Lý thuyết của Clark Leonard Hull vẫn giữ nguyên truyền thống của thuyết hành vi cổ điển, kiên quyết gạt bỏ thuyết sức sống, mục đích luận và các loại ý giải tự biện.

+ Clark Leonard Hull vẫn nghiên cứu hành vi, nghiên cứu “các hiện tượng lớn của hành vi có thể quan sát được”. Hiện tượng lớn của hành vi được hiểu là hành vi của nhóm tế bào thần kinh cơ hay máu thần kinh. Còn kết quả “lớn” của tính tích cực chung thì nảy sinh khi trả lời các kích thích “lớn” tác động vào.

Ông coi hành vi là liên hệ hướng tâm - li tâm theo nguyên tắc cung phản xạ. Nói cách khác hành vi là các cử động của cơ thể để thỏa mãn nhu cầu cơ thể. Thực ra, cử động và thao tác chỉ là một phần của cuộc sống con người.

Quy luật chủ yếu của hành vi theo Clark Leonard Hull là các tổ hợp kích thích bởi các trạng thái nhu cầu và điều kiện môi trường xung quanh, các tổ hợp này tạo ra hành vi của cơ thể: ở đây có mối liên hệ trực tiếp kích thích cơ thể - phản ứng. Hành vi được coi là hàm do các biến số nhu cầu cơ thể và môi trường ngoài của cơ thể tạo ra. Từ đây xuất hiện công thức S – O – R. Công thức này về nguyên tắc không có gì khác với sơ đồ hành vi của thuyết hành vi cổ điển, con người đã bị sinh vật hóa hoàn toàn.

+ Clark Leonard Hull đưa ra yếu tố trung gian “kỹ xảo”. Kỹ xảo tồn tại như à những điều kiện không nhìn thấy trong hệ thống thần kinh tựa như các điện tử, proton, ... trong thế giới vật lý. Vì không nhìn thấy được các yếu tố trung gian này, từ ngoài không quan sát được nên các biến số ấy được gọi là các “kiến tạo logic” tương ứng với thao tác do cơ thể tạo ra trong các điều kiện do người thực nghiệm tạo ra.

Kỹ xảo có vai trò là thông số trung gian, giúp cho việc giải thích hành vi ra ngoài phạm vi của kích thích bên ngoài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Bích (2000), *Tâm lý học nhân cách – một số vấn đề lý luận*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Vũ Dũng (2000), *Từ điển tâm lý*, Nxb Khoa học xã hội.
3. Vũ Dũng (2008), *Từ điển Tâm lý học*, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện tâm lý, Nxb Từ điển bách khoa Hà Nội.
4. Trần Thị Minh Đức (2013), *Game bạo lực với thanh thiếu niên, phân tích ở góc độ tâm lý học xã hội*, Nxb Đại học quốc gia.
5. Phạm Hoàng Gia, Phạm Minh Hạc – Phạm Huy Châu dịch (1989), *Hoạt động, ý thức, nhân cách*, Nxb Giáo Dục, Hà Nội.
6. Dương Thị Hương Giang (2009) *Nhu cầu sử dụng điện thoại di động của sinh viên một số trường đại học tại Hà Nội*, khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Tâm lý học, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
7. Phạm Hồng Hà (2003), *Nhu cầu sử dụng điện thoại di động của người dân Hà Nội*”, khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Tâm lý học, trường Đại học Khoa học Xã hội - Nhân văn.
8. Phạm Minh Hạc (1994), *Vấn đề con người trong công cuộc đổi mới*. KX – 07, Hà Nội.
9. Phạm Minh Hạc (1989) *Hành vi và hoạt động*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
10. Phạm Minh Hạc (2003), *Tuyển tập tâm lý học*, Nxb Giáo dục Hà Nội
11. Phạm Minh Hạc (2005), *Tuyển tập tâm lý học*, Nxb Chính trị quốc gia
12. Lê Văn Hảo và Knud S.larsen (2012), *Hành vi tổ chức trong một thế giới đang thay đổi*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
13. Trần Hiệp (chủ biên) (1996), *Tâm lý học xã hội – Những vấn đề lý luận*, Nxb Khoa học Xã hội.
14. Lê Văn Hồng (Chủ biên) (200) *lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, Nxb

15. Mai Thị Hương (2012), *Hành vi giao tiếp với người tham gia giao thông đội cảnh sát giao thông số 2 trên địa bàn thành phố Hà Nội*. Luận văn thạc sỹ chuyên ngành Tâm lý học, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
16. Lê Khanh (2004) *Tâm lý học nhân cách*, Nxb Đại học Quốc Gia, Hà Nội.
17. Nguyễn Hồng Liên (2010), *Nhu cầu sử dụng điện thoại di động của sinh viên trên địa bàn Hà Nội*, Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành tâm lý, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
18. Đặng Thị Huyền Linh (2010), *Hành vi trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp xây dựng trong thành phố Vinh*, Khóa luận tốt nghiệp tâm lý, trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
19. Đỗ Thúy Nga (2012), *Hành vi giữ gìn nghề làm bún truyền thống của người dân làng Phú Đô – Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội*, luận văn thạc sỹ tâm lý, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
20. Nguyễn Thị Hồng Nga (2011), *Hành vi con người và môi trường xã hội*, Nxb Đại học Lao động Xã hội.
21. Hoàng Thị Ngân, (2010) *Hành vi sử dụng tiền của sinh viên trường đại học Khoa học xã hội và nhân văn - 2010*, khóa luận tốt nghiệp, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
22. Phạm Thành Nghị (2013), *Tâm lý học giáo dục* – Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
23. Vũ Thị Nho (1999), *Tâm lý học phát triển*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
24. Hoàng Phê (2011), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
25. Nguyễn Ngọc Phú (2006), *Lịch sử tâm lý học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
26. Nguyễn Quý Thanh (2006), *Xã hội học về dư luận xã hội*, Nxb đại học quốc gia Hà Nội

27. Từ điển Bách khoa toàn thư (2012) *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Từ điển Bách khoa toàn thư.
 28. Trung tâm thông tin khoa học kỹ thuật hóa chất Hà nội (1992) Tuyển tập : *Làm giàu bách khoa xã giao*, Nxb Trung tâm thông tin khoa học kỹ thuật hóa chất Hà nội
 29. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên) 2007, *Tâm lý học đại cương*, Nxb Đại học Sư phạm.
 30. Văn hóa thông tin (2012), *Từ điển Tiếng Việt dành cho học sinh*, Nxb Văn hóa thông tin.
 31. Nguyễn Khắc Viện (chủ biên) (2003), *Từ điển tâm lý* – Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
 32. Viện ngôn ngữ (2012), *Từ điển tiếng Việt*, Viện ngôn ngữ, Trung tâm từ điển học Hà Nội – Đà Nẵng, Nxb Đà Nẵng
 33. Duane P.Schultz, Sydney Ellen Schulz, Người dịch: Nguyễn Hữu Thụ, (2001), *Các lý thuyết nhân cách* (Tập 2), xuất bản lần thứ 7, Nxb Đại học Tổng Hợp nam Florida.
 34. Hergenhahn.B.R (2003) Người dịch: Lưu Văn Hy, *Nhập môn lịch sử tâm lý học*, Nxb Thống kê, Hà Nội
- Các bài báo tiếng Anh:
35. Ahealthiermichigan (30/7/2012), *Những tác hại khi nhìn quá lâu vào màn hình điện thoại*, <http://www.tinhte.vn>
- Các bài báo tiếng Việt:
36. Phan Loan (24/5/2010), *Học sinh phổ thông không nên sử dụng điện thoại di động*, <http://www.baobacgiang.com.vn>
 37. Văn Sơn (24/1/2013), *Cấm giáo viên, học sinh dùng điện thoại trong giờ học* <http://www.thanhvien.com.vn>

38. Bùi Minh Tuấn (09/10/2010), *Cần giáo dục văn hóa sử dụng điện thoại cho học sinh* <http://dantri.com.vn>
39. Tiêu Hà - Văn Thanh (20/2/2014), *Báo động đỏ - Học sinh nghiện điện thoại di động*, <http://phunuonline.com.vn>
40. Từ điển Bách khoa toàn thư mở Wikipedia, <https://vi.wikipedia.org>
41. Trường THPT Hồng Hà (01/6/2012), *Nội quy* ://www.thpthongha.com.